
Bản án số: 32/2021/ DSST
Ngày 06/07/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

- Hội thẩm nhân dân: 1/ - Ông Từ Tứ Hải

2/ - Bà Phan Thị Trúc Phương

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân – Thư

Ký Tòa án Nhân Dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 06 tháng 07 năm 2021. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2021/ TLST- DS ngày 01 tháng 06 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/ QĐXXST- DS ngày 17 tháng 06 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Kim T, sinh năm: 1980 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T T, xã T T, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T L, xã T T, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Công T (chồng của bà Trần Thị T) (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T L, xã T T, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Lê Kim T trình bày: Nguyên vào ngày 17/12/2018 bà Trần Thị T có đến nhà tôi vay số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 2%/1 tháng, lúc vay giữa hai bên có làm biên nhận nợ ngày 17/12/2018, mục đích bà T vay tiền của tôi là để lấy vốn làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, bà T hứa với tôi sau 05 ngày kể từ ngày vay, vào ngày 23/12/2018 bà T sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho tôi.

Đến ngày 15/06/2019 bà T có mua thiếu bia của tôi số tiền là 4.000.000đ (bốn triệu đồng), bà T hứa với tôi sau 05 ngày sẽ trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng) tiền bia. Đến nay thì bà T vẫn không có đóng lãi và trả nợ gốc tiền vay và nợ tiền bia cho tôi mặc dù tôi có đến nhà bà T đòi nợ nhiều lần nhưng bà T chỉ hứa mà không thực hiện việc trả nợ.

Nay tại phiên tòa, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp giải quyết buộc bà Trần Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Công T có nghĩa vụ liên đới trả cho tôi số tiền gốc là 10.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và tiền bia 4.000.000đ (bốn triệu đồng) và yêu cầu tính lãi tiền vay 10.000.000đ (mười triệu đồng) theo quy định pháp luật, còn tiền bia 4.000.000đ (bốn triệu đồng) thì tôi không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Trần Thị T trình bày: Tôi thừa nhận nguyên vào ngày 17/12/2018, tôi có đến nhà chị Lê Kim T vay số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), lúc vay có làm biên nhận nợ với nhau, lãi suất thỏa thuận là một ngày đóng lãi là 5.000đ/1.000.000đ/ngày. Mục đích vay tiền để lấy vốn làm ăn, phát triển kinh tế cho gia đình, thời hạn vay là 05 ngày tôi sẽ trả nợ vào ngày 23/12/2018 là hết nợ gốc và lãi cho chị T. Nhưng do làm ăn bị thất bại nên tôi không có tiền trả cho chị T, trong lúc vay thì tôi có đóng lãi 1.500.000đ/1 tháng, thì tôi đã đóng được 11 tháng = 16.500.000đ (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng) cho chị T, lúc tôi đóng tiền lãi cho chị T thì tôi không có làm biên nhận với chị T.

Đến ngày 15/6/2019 tôi có mua thiếu bia với số tiền là 4.000.000đ (bốn triệu đồng), tôi hẹn sau 05 ngày sẽ trả tiền bia là 4.000.000đ (bốn triệu đồng), nhưng đến nay tôi chưa trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng) cho chị T.

Nay tại phiên tòa, tôi thừa nhận còn nợ chị T số tiền gốc là 10.000.000đ (mười triệu đồng) và tiền bia 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Tổng cộng số tiền tôi thiếu chị T là

14.000.000đ (mười bốn triệu đồng), tôi xin trả 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) cho chị T vào ngày 30/9/2021 là hết nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Công T trình bày: ông Lê Công T vắng mặt không lý do nên không thể trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền:** Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện dân sự không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** ông Lê Công T với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa hôm nay, ông T vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Công T, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ”. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Công T là phù hợp theo quy định pháp luật.

Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa chị Lê Kim T với bà Trần Thị T là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản”.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Kim T yêu cầu bà Trần Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Công T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T số tiền gốc là 10.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi 4.000.000đ (bốn triệu đồng) và yêu cầu tính lãi tiền vay 10.000.000đ (mười triệu đồng) theo quy định pháp luật, còn tiền lãi

4.000.000đ (bốn triệu đồng) thì chị T không yêu cầu tính lãi là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì chị Lê Kim T có cho bà Trần Thị T vay số tiền gốc là 10.000.000đ (mười triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 2%/1 tháng, lúc vay thì bà Trần Thị T có làm biên nhận nợ với chị Lê Kim T vào ngày 17/12/2018, thời hạn vay sau 05 ngày kể từ ngày vay, vào ngày 23/12/2018 bà Trần Thị T sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho chị Lê Kim T. Ngoài ra vào ngày 15/06/2019 bà Trần Thị T có mua thiếu bia của chị Lê Kim T số tiền là 4.000.000đ (bốn triệu đồng), bà Trần Thị T hứa với chị Lê Kim T sau 05 ngày, vào ngày 21/6/2019 sẽ trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng) tiền bia cho chị Lê Kim T. Đến hạn trả nợ thì bà Trần Thị T không thực hiện việc trả nợ và chị Lê Kim T nhiều lần đến nhà bà Trần Thị T đòi nợ nhưng bà Trần Thị T chỉ hứa chứ không trả nợ cho chị Lê Kim T và được biết mục đích bà Trần Thị T vay tiền của chị Lê Kim T là lấy vốn làm ăn để phát triển kinh tế gia đình và mang lại thu nhập chung cho gia đình, theo khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30....”; theo khoản 1 Điều 30: “vợ, chồng có nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Vì vậy số tiền mà bà Trần Thị T nợ chị Lê Kim T tiền vay và tiền bia là 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) được coi là nợ chung của vợ chồng bà Trần Thị T, ông Lê Công T.

Nay tại phiên tòa chị Lê Kim T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Trần Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Công T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Kim T số tiền gốc 10.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và tiền bia 4.000.000đ (bốn triệu đồng) và yêu cầu tính lãi tiền vay 10.000.000đ (mười triệu đồng) theo quy định pháp luật, còn tiền bia 4.000.000đ (bốn triệu đồng) thì chị Lê Kim T không yêu cầu tính lãi.

Lời yêu cầu của chị Lê Kim T phù hợp với Điều 430, Điều 463 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay chị Lê Kim T cho rằng giữa chị Lê Kim T với bà Trần Thị T thỏa thuận tiền vay lãi suất là 2%/1 tháng. Tuy nhiên theo bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay thì bà Trần Thị T thừa nhận giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày (thỏa thuận miệng) không có ghi vào biên nhận ngày 17/12/2018. Vì vậy trong vụ án này Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và

do các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định:

Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định: Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.

Như vậy số tiền lãi trong vụ kiện này tính từ ngày 23/12/2018 đến ngày xét xử hôm nay là ngày 06/07/2021 là 529 ngày cụ thể như sau: $10.000.000đ \times 0,83\% \times 923 \text{ ngày} = 2.553.633đ$ tính tròn là 2.554.000đ (hai triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn đồng). Tổng cộng tiền vay gốc, tiền lãi và tiền bia là 16.554.000đ (mười sáu triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

[4] Xét yêu cầu của bị đơn bà Trần Thị T, theo bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 17/06/2021 cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay thì bà Trần Thị T thừa nhận nợ chị Lê Kim T tiền vay 10.000.000đ (mười triệu đồng) và nợ tiền bia 4.000.000đ (bốn triệu đồng), trong đó bà Trần Thị T cho rằng bà có đóng lãi 1.500.000đ/1 tháng cho chị Lê Kim T, thì bà Trần Thị T đã đóng được 11 tháng với tổng cộng số tiền là 16.500.000đ (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng) cho chị Lê Kim T, lúc bà Trần Thị T đóng tiền lãi cho chị Lê Kim T thì bà Trần Thị T không có làm biên nhận với chị Lê Kim T, vì hiện nay kinh tế gia đình bà Trần Thị T gặp khó khăn nên không trả được nợ cho chị Lê Kim T.

Nay tại phiên tòa bà Trần Thị T thừa nhận còn nợ chị Lê Kim T số tiền gốc là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và tiền bia 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Tổng cộng số tiền bà Trần Thị T nợ chị Lê Kim T là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng), bà Trần Thị T xin trả 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) cho chị Lê Kim T vào ngày 30/9/2021 là hết nợ là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì bà Trần Thị T xin trả 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) cho chị Lê Kim T vào ngày 30/9/2021 thì chị Lê Kim T không đồng ý. Theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số: 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện Kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử

và thi hành án về tài sản có quy định: Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử không có xem xét.

Mặt khác bà Trần Thị T cho rằng bà có đóng lãi 1.500.000đ/1 tháng cho chị Lê Kim T, thì bà Trần Thị T đã đóng được 11 tháng với tổng cộng số tiền là 16.500.000đ (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng) cho chị Lê Kim T, lúc bà Trần Thị T đóng tiền lãi cho chị Lê Kim T thì bà Trần Thị T không có làm biên nhận với chị Lê Kim T và cũng không có ai chứng kiến việc đóng lãi trên, ngoài ra bà Trần Thị T cũng không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh đã đóng số tiền lãi 16.500.000đ (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng) cho chị Lê Kim T.

Chính vì vậy Hội đồng xét xử bác lời khai nại của bà Trần Thị T.

[5] **Về án phí DSST:** Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của chị Lê Kim T được chấp nhận nên chị Lê Kim T không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Lê Kim T số tiền là 350.000đ (ba trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008375 ngày 18/05/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc bà Trần Thị T, ông Lê Công T phải nộp: $16.554.000đ \times 5\% = 827.700đ$ tính tròn là 828.000đ (tám trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng Điều 430, Điều 463, Khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân Sự năm 2015, khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Kim T.

3/ Bác lời khai nại của bị đơn bà Trần Thị T.

4/ Buộc bà Trần Thị T và ông Lê Công T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Kim T số tiền gốc và lãi là 16.554.000đ (mười sáu triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày chị Lê Kim T có đơn yêu cầu Thi hành án nếu bà Trần Thị T và ông Lê Công T không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Trần Thị T và ông Lê Công T nộp 828.000đ (tám trăm hai mươi tám nghìn đồng).

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Lê Kim T số tiền là 350.000đ (ba trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008375 ngày 18/05/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Lê Kim T, bà Trần Thị T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho ông Lê Công T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quang Nhật

